

NỢ XẤU NGÂN HÀNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Viện Nghiên cứu Kinh doanh – Đại học Kinh tế TP. HCM

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích tình trạng nợ xấu của các ngân hàng ở Mỹ, Châu Âu và Việt Nam trong giai đoạn gần đây. Tại Mỹ, nợ xấu có xu hướng tăng do ảnh hưởng của thị trường bất động sản thương mại, với giá trị tài sản giảm và tỷ lệ văn phòng trống tăng sau đại dịch COVID-19. Tại Châu Âu, tỷ lệ nợ xấu giảm ở khu vực đồng euro nhờ sự phục hồi kinh tế, nhưng vẫn có những thách thức đáng kể trong lĩnh vực bất động sản thương mại. Tại Việt Nam, nợ xấu tăng trong bối cảnh nền kinh tế chịu ảnh hưởng từ lãi suất tăng và nhu cầu vay vốn giảm, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản và chứng khoán. Tài liệu cũng đề cập đến các biện pháp chính sách nhằm khắc phục tình trạng này và những thách thức mà các ngân hàng và doanh nghiệp phải đối mặt trong thời gian tới.

Từ khóa: Nợ xấu, Ngân hàng, Lãi suất, Rủi ro tín dụng

1. Tình trạng nợ xấu của các Ngân hàng trong và ngoài nước

1.1 Tình trạng nợ xấu của các Ngân hàng nước ngoài

1.1.1 Tình trạng nợ xấu của các hệ thống ngân hàng ở Thị Trường Mỹ

Theo báo cáo của tổ chức bảo hiểm tiền gửi của Mỹ (FDIC), trong Quý 1 năm 2024, tổng dư nợ tín dụng giảm 35 tỷ USD, tương đương 0,3%, trong quý đầu năm. Hầu hết sự giảm sút này được ghi nhận bởi các ngân hàng lớn. Sự giảm sút này được cho là tính mùa vụ, chủ yếu là do tỉ lệ giảm sút trong dư nợ cho vay của thẻ tín dụng ở mức 35.7 tỷ USD (khoảng 3.2%) và xe hơi ở mức 7.6 tỷ USD (khoảng 1.4%). Theo FDIC, tỷ lệ tăng trưởng vay của ngành là 1,7%, mức tăng trưởng hàng năm chậm nhất kể từ quý ba năm 2021, đã giảm đều đặn trong năm qua. Bên cạnh đó, sự gia tăng trong dư nợ tín dụng hàng năm chủ yếu đến từ các khoản vay thẻ tín dụng và bất động sản thương mại (CRE).

All FDIC-Insured Institutions

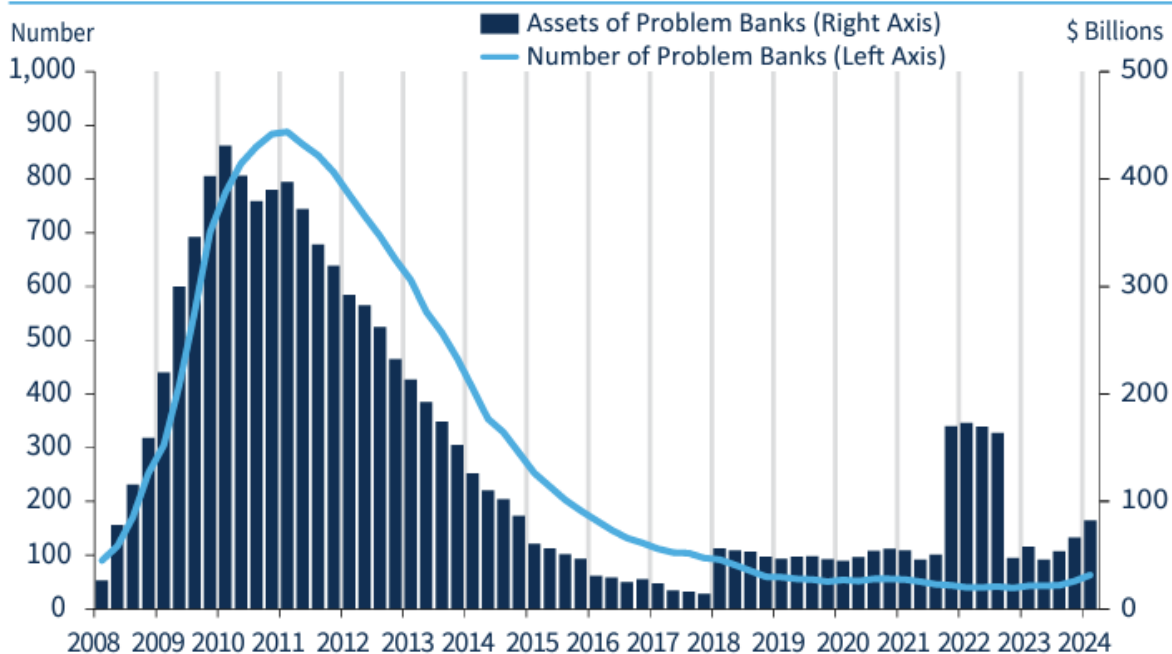


Nguồn: Tổ chức bảo hiểm tiền gửi của Mỹ (FDIC)

Biểu đồ 1: Sự thay đổi trong dư nợ tín dụng

Tuy nhiên, từ sau đại dịch Covid, rủi ro liên quan đến nhóm bất động sản thương mại là điều thực sự đáng lưu ý trên thị trường cho vay của Ngân hàng Thương mại tại Mỹ. Phần lớn từ đại dịch COVID-19 khiến nhiều công ty giảm diện tích văn phòng hoặc chuyển sang mô hình làm việc linh hoạt hơn. Điều này dẫn đến sự suy giảm mạnh nhu cầu thuê văn phòng. Nói cách khác, đại dịch đã thúc đẩy xu hướng làm việc từ xa, khiến nhiều công ty giảm diện tích văn phòng hoặc chuyển sang mô hình làm việc linh hoạt hơn. Sự suy giảm trong thu nhập cho thuê đã làm giảm giá trị của các tài sản bất động sản thương mại, đặc biệt là các văn phòng. Giá trị này có thể tiếp tục giảm nếu nhu cầu không phục hồi hoặc tỷ lệ văn phòng trống gia tăng. Rõ ràng, các Ngân hàng Thương mại có thể gặp rủi ro liên quan đến nợ xấu từ các khoản vay thế chấp bất động sản thương mại. Nếu các chủ sở hữu tài sản không thể trả nợ do doanh thu cho thuê giảm, điều này có thể dẫn đến tăng tỷ lệ nợ xấu và tổn thất tài chính cho ngân hàng tác động tiềm tàng từ tình trạng giá bất động sản thương mại đang giảm mạnh, gây rủi ro vỡ nợ cho các khoản vay thế chấp.

All FDIC-Insured Institutions



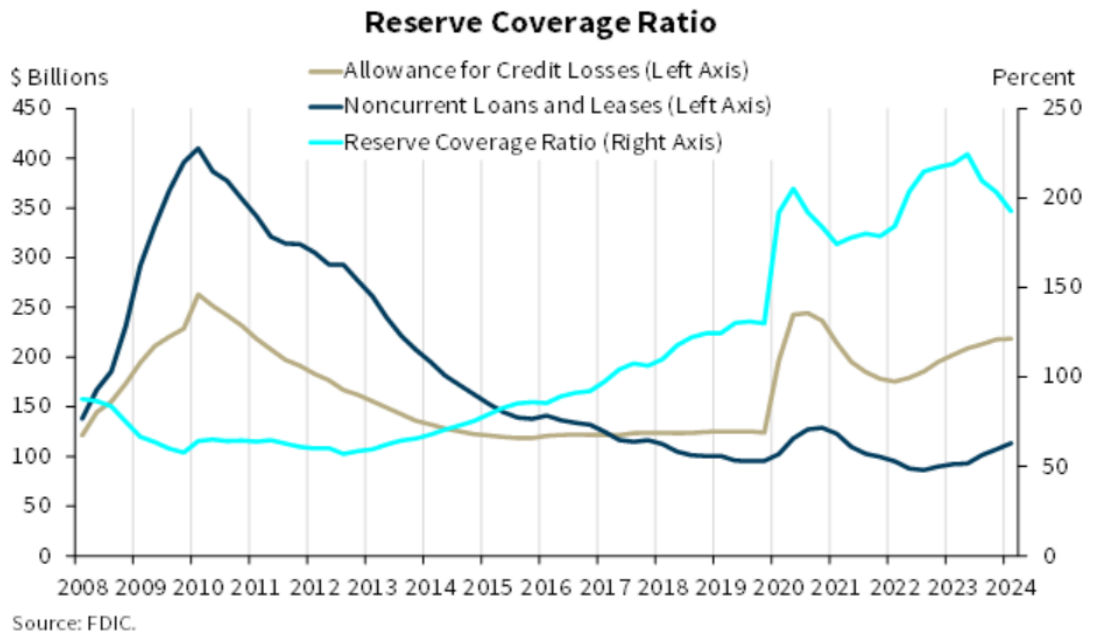
Source: FDIC.

Nguồn: Tổ chức bảo hiểm tiền gửi của Mỹ (FDIC)

Biểu đồ 2: Số lượng ngân hàng có vấn đề

Biểu đồ 2 mô tả số lượng ngân hàng có vấn đề có xu hướng tăng trong Q1/2024 tại thị trường Mỹ. Cụ thể là trong Q1/2024, số lượng ngân hàng có vấn đề đã tăng lên 11 ngân hàng, chiếm 1.4% trong tổng số ngân hàng. Theo FDIC, tỉ lệ 1,4% tương đối nằm trong ngưỡng an toàn trong giai đoạn thị trường diễn ra bình thường. Tuy nhiên, vấn đề đang lưu ý chính là số lượng tài sản mà các ngân hàng gặp khó khăn đang nắm giữ đã tăng từ mức 15.8 tỷ đô la đến mức 82.1 tỷ đô la.

Theo báo cáo FDIC, tỉ lệ trích lập dự phòng trong Q1/2024 chiếm tổng 20.6 tỷ USD, giảm 4.3 tỷ USD so với quý trước. Ước tính khoảng 40.8% ngân hàng đã báo cáo về chi phí trích lập dự phòng thấp hơn so với quý trước. Ngoài ra, đề cập đến tỉ lệ bao phủ dự phòng, sự gia tăng nhanh chóng của số dư nợ không thực hiện hay nhóm nợ trả chậm trên 90 ngày so với quỹ dự phòng tổn thất tín dụng đã dẫn đến sự giảm sút trong tỷ lệ bao phủ dự phòng. Cụ thể, theo báo cáo của FDIC, tỷ lệ quỹ dự phòng tổn thất tín dụng so với nợ không thực hiện giảm từ 203,3% trong quý 4/2023 xuống còn 192,8% trong quý 1/2024.



Nguồn: Tổ chức bảo hiểm tiền gửi của Mỹ (FDIC)

Biểu đồ 3: Tỷ lệ bao phủ dự phòng

1.1.2 Tình trạng nợ xấu của các hệ thống ngân hàng ở Thị Trường Châu Âu

Theo báo cáo của ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) vào tháng 3 năm 2024, tỷ lệ nợ xấu ở khu vực đồng euro đã giảm xuống còn khoảng 2,7% tổng số khoản vay, giảm từ mức cao hơn trong những năm trước đó. Đây là một dấu hiệu tích cực cho thấy sự cải thiện trong chất lượng tài sản của các ngân hàng châu Âu. Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã nhấn mạnh rằng sự giảm tỷ lệ nợ xấu được hỗ trợ bởi sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ và các chính sách tiền tệ linh hoạt. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia thành viên.

Theo báo cáo từ ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), tỷ lệ nợ xấu trong các khoản vay bất động sản thương mại đã tăng cao trong những năm gần đây do sự biến động của thị trường bất động sản và các điều kiện kinh tế không thuận lợi. Báo cáo cho thấy các ngân hàng đã phải đối mặt với tỷ lệ nợ xấu cao trong lĩnh vực này, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19. Vấn đề chính xuất phát từ những khó khăn mà ngân hàng phải đối mặt chẳng hạn như chất lượng tài sản đang giảm, chi phí vốn tăng cao trong khi nguồn thu nhập giảm.

Nhiều quốc gia châu Âu đã thực hiện các biện pháp để giải quyết nợ xấu. Ví dụ, chính phủ Ý và Tây Ban Nha đã triển khai một số chương trình tái cấu trúc nợ

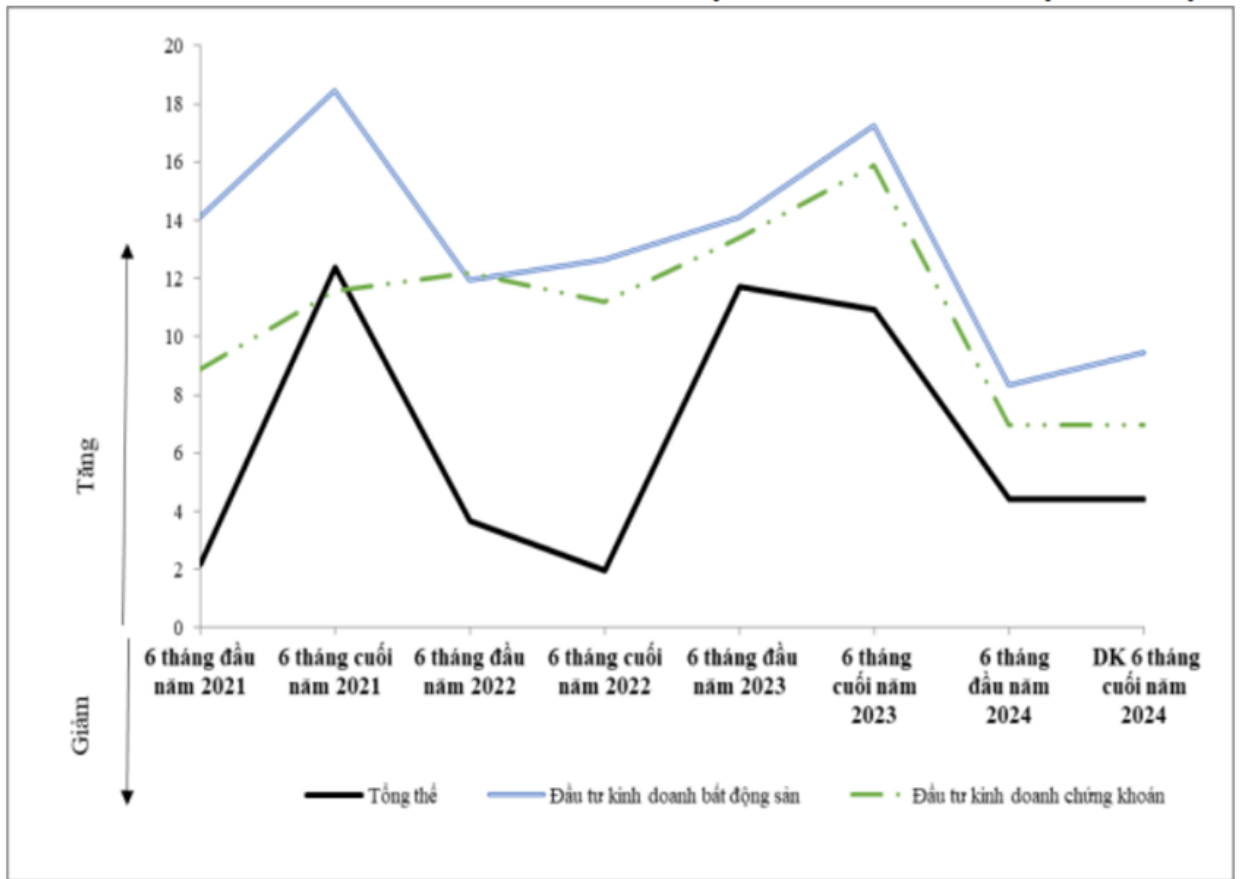
và bán nợ xấu cho các công ty quản lý tài sản. Báo cáo của ngân hàng Dự trữ Ý vào tháng 6 năm 2024 chỉ ra rằng các biện pháp này đã giúp giảm đáng kể số lượng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Ý.

1.2. Tình trạng nợ xấu của các ngân hàng trong nước

Theo báo cáo kết quả điều tra xu hướng tín dụng 6 tháng đầu năm 2024 của ngân hàng Nhà nước, các tiêu chuẩn tín dụng có xu hướng nới lỏng nhẹ đối với các lĩnh vực “Cho vay đầu tư ứng dụng công nghệ cao”, “Cho vay đầu tư công nghiệp hỗ trợ”, “Cho vay mua nhà để ở”, “Cho vay đầu tư ngành dịch vụ logistics”, “Công nghiệp chế biến, chế tạo”, “Cho vay kinh doanh xuất nhập khẩu”, “Cho vay đầu tư, kinh doanh du lịch và nhóm khách hàng cá nhân. Đồng thời, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, các Ngân hàng Thương Mại cũng giảm bớt việc thắt chặt đối với các lĩnh vực “Đầu tư kinh doanh chứng khoán”, “Đầu tư kinh doanh bất động sản”, “Kinh doanh tài chính, ngân hàng và bảo hiểm” và “Xây dựng”.

Theo Ngân hàng Nhà nước, rủi ro tín dụng được dự báo sẽ có xu hướng tăng trong 6 tháng cuối năm 2024. Tương tự thị trường các khu vực trên thế giới, chỉ số cân bằng của rủi ro tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản tăng đáng kể từ đầu năm và có chiều hướng tiếp tục tăng tại Q3 – Q4/2024. Bên cạnh lĩnh vực bất động sản, các khoản vay kinh doanh đầu tư chứng khoán cũng dự báo tăng nhẹ.

Tại hội nghị đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng năm 2024, NHNN khuyến khích các NHTM tiếp tục duy trì lãi suất cho vay thấp. Đây chính là một trong những giải pháp nhằm thúc đẩy nhu cầu vay vốn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong giai đoạn suy giảm kinh tế toàn cầu và trong giai đoạn nhiều bất định như hiện nay. Tuy nhiên, dưới sức ép của mặt bằng lãi suất huy động đang có chiều hướng gia tăng, điều này cũng đặt ra thách thức về việc thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa đầu vào và đầu ra của các NHTM.



Nguồn: Vụ dự báo, thống kê

Biểu đồ 4: Chỉ số cân bằng đánh giá thay đổi rủi ro tín dụng trong 6 tháng so với kỳ liền trước

2. Tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước

2.1 Đối với các thị trường trên thế giới

Những biến động khó lường và bất định trên thế giới dần trở thành thách thức liên tục mà các chính phủ, doanh nghiệp nhanh chóng thích ứng. Các cuộc khủng hoảng, căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực trên toàn cầu như xung đột Nga và Ukraine, bất ổn tại Trung Đông đã tác động đáng kể đến các quốc gia trong khu vực. Một trong những tác động đáng kể nhất chính là tình trạng lạm phát toàn cầu, chủ yếu do sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Nga và Ukraine là hai trong số những quốc gia có sản lượng dầu lớn nhất thế giới, nên sự bất ổn tại đây đã đẩy giá nguyên vật liệu lên cao, từ đó làm tăng chi phí sản xuất và vận chuyển trên toàn cầu.

Ngoài ra, trong lĩnh vực tài chính, sự biến động mạnh của thị trường đã làm tăng rủi ro đầu tư, khiến các nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn. Nhiều quốc gia

cũng phải đối mặt với áp lực về lãi suất tăng cao và chính sách tiền tệ thắt chặt, điều này càng làm trầm trọng thêm tình trạng suy thoái kinh tế.

Trong bối cảnh đó, các nước đang phát triển và những nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu, như nhiều quốc gia ở Châu Á, đặc biệt dễ bị tổn thương. Mặc dù không chịu những căng thẳng chính trị trực tiếp, họ vẫn phải đối mặt với các thách thức về tăng trưởng kinh tế chậm, sự bất ổn trong dòng chảy đầu tư và nhu cầu thị trường suy giảm từ các đối tác thương mại lớn.

Tình hình này đòi hỏi các quốc gia và doanh nghiệp phải có những chiến lược linh hoạt và sáng tạo để thích ứng, nhằm giảm thiểu rủi ro và tận dụng các cơ hội mới xuất hiện trong một thế giới đầy biến động.

2.2 Đối với thị trường Việt Nam

Tương tự các quốc gia trong khu vực, nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao, điều này cho thấy tác động của những biến động, căng thẳng trên thế giới ảnh hưởng đáng kể đến tình trạng lạm phát trong nước. Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 6 năm 2024 đã tăng 4,5% so với tháng 12 năm 2023, chủ yếu do sự gia tăng giá xăng dầu và thực phẩm. Ngoài ra, chính tác động của các cuộc xung đột trên thế giới đã tác động đến tình hình xuất nhập khẩu, càng làm trì trệ hơn quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19.

Theo Ngân hàng Nhà nước, lạm phát chính là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân và sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Trong bối cảnh giá cả nguyên vật liệu và năng lượng gia tăng, Ngân hàng Nhà nước đã kiềm chế lạm phát bằng các chính sách thắt chặt tiền tệ chẳng hạn như kiểm soát tăng trưởng tín dụng, tăng lãi suất điều hành. Việc tăng lãi suất điều hành là cần thiết trong giai đoạn hiện nay để kiềm chế lạm phát và tạo điều kiện cho sự ổn định của hệ thống tài chính.” (Nguồn: CIEM, Báo cáo về chính sách tiền tệ năm 2024). Tăng lãi suất điều hành trong thời gian qua đã có tác động đến lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại, góp phần làm giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng. (Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo tháng 4/2024).

3. Những thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam

3.1. Nhu cầu tiếp cận nguồn vốn thấp

Nhận định tổng quan nền kinh tế, trong 7 tháng đầu năm 2024, số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường là 125,5 nghìn, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có hơn 17,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Đối với các doanh nghiệp trong nước chịu nhiều ảnh hưởng bởi yếu tố lãi suất tăng. Điều này làm giảm khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, để duy trì lợi nhuận trong bối cảnh chi phí đầu vào và vận chuyển tăng cao, các doanh nghiệp buộc phải tăng giá bán. Tuy nhiên, điểm khó khăn trong kinh doanh mà các doanh nghiệp buộc phải đối diện chính là cầu tiêu dùng trong nước không cao. Cả hai yếu tố trên đã cho thấy nhu cầu đầu tư cũng như khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp khá khó khăn. Điều này khiến các doanh nghiệp khó có thể tăng trưởng hoặc duy trì hoạt động ổn định.

Tuy chính phủ đã quyết liệt thực hiện các chỉ đạo nhằm khơi thông dòng vốn, kích cầu đầu tư sản xuất, phát triển nhưng mức tăng trưởng tín dụng cũng còn tương đối thấp. Đến cuối tháng 7/2024, tăng trưởng tín dụng chỉ tăng 4.3%. Nhìn nhận vấn đề trên, theo Vụ trưởng Vụ tín dụng, Ngân hàng Nhà nước, nguyên nhân cho khả năng hấp thụ vốn thấp chính là suy giảm cầu đầu tư và cầu của sản xuất của nền kinh tế. Hiện nay, thị trường nội địa và quốc tế đều suy giảm do ảnh hưởng của Đại dịch Covid – 19 cũng như các căng thẳng địa chính trị. Điều này đã khiến các doanh nghiệp tuy có lịch sử tín dụng tốt nhưng cũng e ngại với khả năng mở rộng sản xuất. Ngược lại, các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn lại là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khả năng điều hành quản trị chưa cao, các báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh không đủ để đáp ứng được điều kiện tại các Tổ chức Tín dụng.

3.2. Chi phí đầu vào tăng cao, gián đoạn chuỗi cung ứng

Chính tác động của các cuộc chiến tranh trên thế giới mà các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu bị ảnh hưởng khá nhiều. Sự bất ổn ở khu vực Đông Âu đã làm gián đoạn qua quá trình vận tải, khiến thời gian cung ứng hàng hóa bị kéo dài. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Chẳng hạn như từ năm 2022, tất cả các cảng của Ukraine ở Biển Đen đều phải đóng cửa do tình trạng chiến tranh và một số hãng tàu cân nhắc dừng vận

chuyển hàng đến và đi Nga do tình hình xung đột tiếp tục leo thang (Viện nghiên cứu châu Âu, 2022).

Bên cạnh đó, các mặt hàng chính như ngũ cốc, phân bón, kim loại cũng có thể bị thiếu hụt do các lệnh trừng phạt và gián đoạn sản xuất. Điều này buộc các doanh nghiệp phải linh hoạt, tìm kiếm các nguồn cung thay thế ở các quốc gia khác. Tuy nhiên, điều này cũng mang đến một số rủi ro như đảm bảo chất lượng sản phẩm, chuyển đổi công nghệ hay suy giảm khả năng tiếp cận thị trường.

3.3. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dần hết hiệu lực

Theo Ngân hàng Nhà Nước, Thông tư 02/2023/TT-NHNN (Thông tư 02) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, chỉ có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2024. Thế nhưng, hiện nay doanh nghiệp vẫn phải đối diện với rất nhiều thách thức và khó khăn và có thể kéo dài đến cuối tháng 6/2024. Nhận định vấn đề trên, Thông tư 06/2024/TT-NHNN đã được ban hành nhằm góp phần tháo gỡ, hỗ trợ khó khăn cho khách hàng vay vốn, góp phần phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, có thể thấy, trong 6 tháng đầu năm rủi ro tín dụng chủ yếu nằm ở lĩnh vực bất động sản. Theo Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản nhận định “vướng mắc pháp lý” là vướng mắc lớn nhất, chiếm đến 70% khó khăn của các doanh nghiệp **chủ đầu tư** các dự án bất động sản, nhà ở.

Ngoài ra, Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ đề ra những giải pháp quan trọng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh trong bối cảnh các thách thức kinh tế. Trọng tâm của chính sách chính là giải quyết rào cản pháp lý, tháo gỡ khó khăn trong thị trường Bất động Sản, cải cách thuế và xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, trên phương diện khắc phục đứt gãy chuỗi cung ứng thông qua việc đa dạng hóa nguồn cung, khuyến khích công nghệ và thương mại điện tử, kết nối doanh nghiệp với đối tác Quốc tế,... Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ chỉ kéo dài đến năm 2025. Điều này có nghĩa doanh nghiệp cần có tầm nhìn, chiến lược chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm tiến đến sự phát triển bền vững trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh đầy bất định.

4. Giải pháp cho các doanh nghiệp trong giai đoạn đầy bất định

4.1 Cải thiện tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng

Thứ nhất, các doanh nghiệp nên đa dạng hóa nguồn cung. Chẳng hạn như, quá trình đẩy mạnh liên kết triển khai, tìm nhiều nhà cung ứng cho cùng một sản phẩm hoặc nguyên liệu thay vì phụ thuộc quá mức vào thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đẩy mạnh liên kết như tham gia các hiệp hội ngành nghề để tạo cơ hội hợp tác, chia sẻ, tạo động lực mạnh mẽ để cùng vượt qua các giai đoạn khó khăn.

Thứ hai, xây dựng và phát triển kênh phân phối theo phương pháp truyền thống và trực tiếp. Điều này giúp các doanh nghiệp trở nên chủ động hơn trong giai đoạn thị trường đầy biến động và khó lường. Mở rộng được khả năng tiếp thị đến khách hàng toàn cầu trong giai đoạn cầu trong nước đang ở mức thấp.

Thứ ba, ứng dụng chuyển đổi số trong việc quản lý chuỗi cung ứng. Điều này có nghĩa doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong những gián đoạn của chuỗi cung ứng như quản lý hàng tồn kho hiệu quả, giảm thiểu chi phí quản lý, linh hoạt hơn trước những biến động của thị trường. Chính việc xây dựng báo cáo, kiểm soát, đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng một cách thường xuyên là tiền đề giúp các doanh nghiệp chủ động giảm thiểu những biến động từ bên ngoài.

4.2. Khởi thông dòng chảy vốn cho doanh nghiệp

Theo Ngân hàng Nhà nước, nhằm thúc đẩy tín dụng trong 6 tháng cuối năm 2024, NHNN vẫn duy trì mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận được nguồn vốn với chi phí thấp. Điều này là tiền đề để các doanh nghiệp khuyến khích, tạo động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Thông tư 06/2024/TT-NHNN gia hạn thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đến hết năm 2024. Chính sách này đã giúp các doanh nghiệp giảm được áp lực trả nợ.

Về phía các Tổ chức Tín dụng, các ngân hàng cần phải tích cực, nghiêm túc thực hiện chỉ đạo duy trì lãi suất vay hợp lý nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn nhanh chóng, đẩy mạnh quá trình sản xuất kinh doanh. Đồng thời, các ngân hàng cũng cần áp dụng chuyển đổi số vào trong việc sử dụng hệ thống

đánh giá tự động, phân tích dữ liệu big data nhằm đánh giá rủi ro một cách toàn diện. Điều này giúp các ngân hàng có thể đẩy nhanh tỉ lệ cho vay nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng khoản vay.

5. Nhận định của Viện Nghiên cứu kinh doanh

Tình hình kinh tế toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức kéo dài đến hết Quý 2/2025, do những bất ổn vĩ mô và xung đột địa chính trị vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Các yếu tố như lạm phát cao, chi phí sản xuất tăng và sự bất ổn trong chuỗi cung ứng đã làm gia tăng áp lực lên kinh tế. Trong bối cảnh này, các chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ vẫn được duy trì nhằm kiểm soát lạm phát, nhưng điều này có thể gây thêm áp lực lên tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, khi các gói cứu trợ tài khóa được triển khai sau đại dịch COVID-19 đang dần hết hiệu lực, sức ép lên các doanh nghiệp ngày càng lớn hơn.

Ngoài ra, lạm phát tiếp tục là một thách thức lớn do giá cả đầu vào tăng mạnh và những tác động lan tỏa từ xung đột địa chính trị. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất mà còn làm suy yếu sức mua của người tiêu dùng, tạo thêm khó khăn cho các doanh nghiệp. Mặc dù lãi suất cho vay được duy trì ở mức hợp lý để khuyến khích các ngân hàng tăng cường dư nợ cho vay vào các quý cuối năm, nhưng nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn ở mức thấp, và sự gia tăng đơn hàng xuất khẩu chưa đủ mạnh để các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn. Theo dự báo, tăng trưởng dư nợ tín dụng trong năm 2024 có thể sẽ không đạt kỳ vọng, với tốc độ tăng trưởng được dự báo ở mức thấp, phản ánh sự thận trọng của các doanh nghiệp và ngân hàng trong việc mở rộng đầu tư và cho vay.

Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp cần chuẩn bị các chiến lược dài hạn, tập trung vào tối ưu hóa chi phí và tăng cường hiệu quả hoạt động để vượt qua giai đoạn khó khăn. Đồng thời, họ cần linh hoạt trong việc thích ứng với những thay đổi của thị trường và tăng cường khả năng cạnh tranh thông qua đổi mới và sáng tạo. Việc duy trì một quỹ dự phòng đủ lớn cũng là điều cần thiết để đối phó với những rủi ro tiềm ẩn trong tương lai, đảm bảo doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển trong môi trường kinh tế đầy biến động này.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ Việt Nam. (2023). *Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.*

Ngân Hàng Nhà Nước. (2024). *Một Số Kết Quả Chính Của Cuộc Điều Tra Xu Hướng Tín Dụng Của Các TCTD Tháng 06/2024.*

Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam. (2023). *Thông tư 02/2023/TT-NHNN về phân loại tài sản có, mức trích lập, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hà Nội: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam. (2024). *Thông tư 06/2024/TT-NHNN Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Hà Nội: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

Nguyễn Chiến Thắng, Hoàng Xuân Trung, Nguyễn Bích Thuận, Trần Đình Hưng, Dương Thái Hậu. (2022). *Báo cáo: Đánh giá tác động của xung đột quân sự Nga - Ukraine đến kinh tế thế giới và Việt Nam. Truy cập tại: <https://ies.vass.gov.vn/diem-nhan/Danh-gia-tac-dong-cua-xung-dot-quan-su-Nga-Ukraine-den-kinh-te-the-gioi-va-Viet-Nam-4.0>*

Tổng cục Thống kê. (2024). *Thông cáo báo chí về tình hình giá tháng Sáu, quý II và sáu tháng đầu năm 2024. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/06/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-gia-thang-sau-quy-ii-va-sau-thang-dau-nam-2024/>*

Federal Deposit Insurance Corporation. (2024). *FDIC Quarterly Banking Profile: First Quarter 2024. Retrieved from <https://www.fdic.gov/news/speeches/2024/fdic-quarterly-banking-profile-first-quarter-2024>*